

Bản án số: 93/2021/DSST

Ngày: 08/11/2021

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tấn Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tùng Châu

2. Bà Đặng Ngọc Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Nương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không có.

Ngày 08 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2021/TLDS-ST, ngày 26/5/2021, về việc tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2021/QĐXXST-DS, ngày 01 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Trí T, sinh năm 1960; địa chỉ số N, Đường N, Phường M, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1971; địa chỉ ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (văn bản ủy quyền ngày 26/5/2021). (có mặt)

- Bị đơn: Nguyễn Kim A; địa chỉ số B, khóm H, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 16 tháng 4 năm 2021, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Thu T đại diện hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:

Ngày 23 tháng 11 năm 2020, giữa ông Nguyễn Trí T và bà Nguyễn Kim A có ký kết hợp đồng vay tiền, hợp đồng được công chứng tại Văn phòng Công chứng Khả Quan, theo đó bà A vay của ông T số tiền 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn vay là 03 tháng (đến ngày 23/02/2021), lãi suất 5%/tháng; mục đích vay để bà A trả nợ. Ông T đã giao đủ tiền cho bà A và có lập biên nhận. Để đảm bảo khoản vay thì bà A có giao cho ông T giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 489755, thửa số 149, tờ bản đồ số 9, diện tích 613,9m², tọa lạc tại khóm 2, Phường 3, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long do bà A đứng tên, không có đăng ký thế chấp.

Qua trình thực hiện hợp đồng, bà A không trả tiền lãi. Đến hạn thanh toán, ông T đòi nhiều lần nhưng bà A vẫn không thanh toán tiền vốn, lãi. Do bà A vi phạm nghĩa vụ thanh toán, cho nên ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà A trả tiền gốc 450.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Bị đơn Nguyễn Kim A đã được Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng bị đơn không có bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn có địa chỉ tại thành phố Vĩnh Long để yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả số tiền gốc và lãi vay, cho nên, đây là vụ án dân sự tranh chấp về “*Hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Nguyễn Kim A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng bà A vẫn cố tình vắng mặt, cho nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Trí T, Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ vào Hợp đồng vay tiền ngày 23/11/2020 và biên nhận nhận tiền thể hiện bà Nguyễn Kim A có nhận của ông T số tiền 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) là có thật. Xét thấy, hợp đồng vay tiền được hai bên ký kết trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc, không trái pháp luật hay đạo đức xã hội và được công chứng tại Văn phòng Công chứng Khả Quan nên có giá trị pháp lý để thực hiện. Xét về hợp đồng vay, nguyên và bị đơn có thỏa thuận việc trả lãi và thời gian thanh toán là 03 tháng, cho nên đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi. Tuy nhiên, hợp đồng vay đã đến hạn thanh toán nhưng bà A không thanh toán tiền gốc, lãi là vi phạm nghĩa vụ thanh toán; mặt khác trong quá trình giải quyết, Tòa án đã thông báo cho bà A biết việc ông T khởi kiện nhưng bà A vẫn không có ý phản đối. Do đó, ông T yêu cầu bà A hoàn trả số tiền gốc và lãi là có cơ sở chấp nhận, phù hợp theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

[4] Xét mức lãi suất, Hội đồng xét xử thấy: Tại Điều 2 của Hợp đồng vay tiền ngày 23/11/2020 thể hiện về lãi suất là “do hai bên tự thỏa thuận trong phạm vi pháp luật cho phép”, nhưng không xác định rõ lãi suất bao nhiêu. Tuy nhiên, bà T đại diện cho ông T cho rằng khi cho vay hai bên thỏa thuận mức lãi suất là 5%/tháng, còn bà A cũng không có ý kiến phản đối, nhưng nay bà T yêu cầu mức lãi suất trong hạn là 20%/năm và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Việc tính lãi như sau:

- Tiền lãi trong hạn: $450.000.000đ \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 92 \text{ ngày} (23/11/2020 \text{ đến } 23/02/2021) = 22.685.000đ$;

- Tiền lãi chậm trả: $22.685.000đ \times 10\%/365 \text{ ngày} \times 257 \text{ ngày} (24/02/2021 \text{ đến } 08/11/2021) = 1.597.000đ$;

- Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn: $450.000.000đ \times (20\% \times 150\%)/365 \text{ ngày} \times 257 \text{ ngày} (24/02/2021 \text{ đến } 08/11/2021) = 95.055.000đ$;

Như vậy, tổng cộng tiền lãi bằng 119.337.000đ.

[5] Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 489755, thửa số 149, tờ bản đồ số 9, diện tích $613,9m^2$, tọa lạc tại khóm 2, Phường 3, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, bà A thế chấp cho ông T bằng hình thức đưa cho ông T giữ để làm tin, không có đăng ký thế chấp tại cơ quan có thẩm quyền nên không có hiệu lực thi hành, nhưng bà A cũng không có yêu cầu gì đối với quyền sử dụng đất này. Do đó, ông T phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà A sau khi bà A thanh toán hết nợ cho ông.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu **toàn bộ** án phí dân sự sơ thẩm là 26.773.000đ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về nội dung

Chấp nhận **yêu cầu** khởi kiện của ông Nguyễn Trí T. Buộc bà Nguyễn Kim A có nghĩa vụ hoàn trả cho ông T số tiền gốc bằng 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi bằng 119.337.000đ (Một trăm mười chín triệu

ba trăm ba mươi bảy ngàn đồng). Tổng cộng bằng 569.337.000đ (Năm trăm sáu mươi chín triệu ba trăm ba mươi bảy ngàn đồng).

Ông Nguyễn Trí T có nghĩa vụ hoàn trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 489755, thửa số 149, tờ bản đồ số 9, diện tích 613,9m², tọa lạc tại khóm 2, Phường 3, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long cho bà Nguyễn Kim A sau khi bà A thanh toán hết nợ.

2. Về án phí

Buộc bà Nguyễn Kim A phải chịu 26.773.000đ (Hai mươi sáu triệu bảy trăm bảy mươi ba ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Nghĩa vụ thi hành án

3.1. Về nghĩa vụ chậm thi hành án

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp có quy định khác.

3.2. Về hướng dẫn thi hành án dân sự

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo

Báo cho ông Nguyễn Trí T biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà Nguyễn Kim A được quyền kháng cáo bản án này trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- VKSND TPVL;
- Thi hành án TPVL;
- Các đ/s;
- Lưu: VT,...

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Tấn Thành